

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7- 2018

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Quang Hiên

Bà Phan Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Thúy, Cán bộ tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Tuấn Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 101/2018/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2018, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐST-LH ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1967 (có mặt)

Nơi ĐKNKTT tại: phường P, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tạm trú tại: phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông Vũ Ngọc T, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Nơi ĐKNKTT tại: huyện K, tỉnh Thái Bình. Tạm trú tại: phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày:

Bà và ông Vũ Ngọc T xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn ngày 27/10/1992 tại UBND xã Tân Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình (nay là thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn được 1 tháng, vợ chồng bà đã có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi bà có bầu ông T nghi ngờ không phải là con của ông T. Sau đó, ông T lạnh nhạt với bà, không ngủ cùng nhau, mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết được. Bà đã nhiều lần cố gắng cải thiện tình cảm, gần gũi chồng để hàn gắn quan hệ vợ chồng, nhưng ông T ngày càng tỏ thái độ hắt hủi, lạnh nhạt với bà. Bà cảm thấy bị xúc phạm quá nhiều, cuộc sống vợ chồng quá căng thẳng mà bà không thể chịu đựng được. Vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Ngày 31/10/2017, bà và ông T đã làm đơn thuận tình ly hôn gửi Tòa án huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giải quyết nhưng ông T không đến làm việc nên không thể giải quyết được, bà lại rút đơn về đoàn tụ. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông T và đề nghị được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung là anh Vũ Vinh Q, sinh ngày 28/7/1993. Anh Q đã trưởng thành và có công ăn việc làm ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Vũ Ngọc T trình bày: Ông nhất trí với lời trình bày của bà H về điều kiện kết hôn và thời điểm kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng ông chung sống với nhau bình thường, không có mâu thuẫn gì. Ông không nghi ngờ anh Quang không phải là con của ông. Ông không hắt hủi, không mắng chửi vợ con. Tuy nhiên, bà H làm gì, không bàn bạc với ông, bà H nói năng không nhẹ nhàng nên nhiều khi vợ chồng cũng va chạm, cãi nhau. Do tính chất công việc thường xuyên phải xa nhà và sức khỏe của ông không đảm bảo nên việc quan hệ vợ chồng không thường xuyên. Vợ chồng ông ly thân khoảng tháng 12/2017 cho đến nay. Ông vẫn còn tình cảm với bà H nên đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng ông bà đoàn tụ. Biên pháp cải thiện tình cảm vợ chồng của ông là vẫn yêu thương vợ, luôn giúp đỡ nhường nhịn vợ.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung là anh Vũ Vinh Q, sinh ngày 28/7/1993. Anh Q đã trưởng thành và có công ăn việc làm ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chính quyền địa phương nơi bà H và ông T sinh sống cung cấp: vợ chồng bà H và ông T đăng ký tạm trú tạm vắng tại địa chỉ số 25 ngõ 133 Xuân Đình, phường Xuân Tảo; quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Mâu thuẫn của vợ chồng bà H và ông T tổ dân phố không biết cụ thể như thế nào, bà H có đơn ly hôn với ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bà Vũ Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với ông T, không rút yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra bà còn trình bày: Ngay từ năm đầu kết hôn với ông Vũ Ngọc T, ông T đã có thái độ nghi ngờ vợ không chung thủy, rất nhiều lần như vậy dẫn đến vợ chồng không ai nói chuyện được với ai, không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Bản thân bà đã rất cố gắng níu kéo tình cảm vợ chồng, cố gắng gần gũi chồng, quan tâm đến chồng trong mọi lĩnh vực xong ông T vẫn không chuyển biến. Cuộc sống vợ chồng thật sự nặng nề vì không ai nói chuyện với ai, ông T đi làm ngày đêm không về nhà hoặc có về nhà thì về lúc bà vắng nhà hoặc về một lúc rồi đi, không quan tâm tới bà làm gì và sống như thế nào, không ngủ cùng bà. Bà nhận thấy ông T cố tình không đến tòa để giải quyết dứt điểm quan hệ vợ chồng vì thực tế ông bà không còn tình cảm vợ chồng. Bà xin được ly hôn ông T đề nghị Hội đồng xét xử quyết định. Về con chung: cháu Quang đã trưởng thành còn về phần tài sản bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến: Từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật. Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự phiên tòa và các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về quan điểm giải quyết vụ án: Ông T và bà H kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài. Việc bà H có đơn xin ly hôn ông T là có cơ sở đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Vũ Thị H và ông Vũ Ngọc T kết hôn ngày 27/10/1992, có đăng ký tại UBND xã A, huyện K, tỉnh Thái Bình (nay là thị trấn A, huyện K, tỉnh Thái Bình), trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp. Hiện ông T cư trú tại phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Bà H đơn phương xin ly hôn ông T. Yêu cầu

của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội quy định tại Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Vũ Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt ông T.

Xét hôn nhân giữa bà H và ông T thì thấy: Sau khi cưới, vợ chồng bà Vũ Thị H và ông Vũ Ngọc T sống không hạnh phúc, lạnh nhạt, không ai quan tâm tới ai. Nguyên nhân là ông T nghi ngờ bà H không chung thủy, sinh hoạt vợ chồng của ông bà không hòa hợp. Năm 2012, bà H đã ly thân với ông T. Tòa án đã tiến hành hòa giải rất nhiều lần để vợ chồng bà H và ông T về đoàn tụ nhưng bà H vẫn giữ quan điểm xin ly hôn còn ông T thì không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp tích cực để cải thiện tình cảm vợ chồng. Trước đó, ông T và bà H cũng đã làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gửi đến tòa Kiến Xương theo yêu cầu của ông T nhưng ông T không đến Tòa nên không giải quyết ly hôn được. Nay, bà H nhận thấy vợ chồng không thể kéo dài hôn nhân thêm được nữa vì hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng quá lạnh nhạt, không ai nói chuyện được với ai, không ai quan tâm tới ai là vi phạm đến nghĩa vụ của vợ chồng và làm cho tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, yêu cầu ly hôn của bà H là chính đáng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là anh Vũ Vinh Q, sinh ngày 28/7/1993. Anh Q đã trên 18 tuổi và có việc làm ổn định nên Tòa không giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

Áp dụng Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 20 Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị định 326/2016/UBTVQH14 về mức thu miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bà Vũ Thị H được ly hôn với ông Vũ Ngọc T.

2. Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là anh Vũ Vinh Q, sinh ngày 28/7/1993. Anh Q đã trên 18 tuổi và có việc làm ổn định nên Tòa không giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số 5965 ngày 22/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai, sơ thẩm. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ kết quả xét xử.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKS Bắc Từ Liêm, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án Bắc Từ Liêm;
- UBND thị trấn A, huyện K, tỉnh Thái

Bình.

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Nga